TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HC - PT
Ngày: 06-3-2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Đặng Kim Nhân

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 217/2026 TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2026 về *"Khiếu kiện ủy quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Trương Văn H, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hữu H1; địa chỉ: 5 Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh;có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Bùi Duy H2; Phó Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk; xin xét xử vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lý Thị Q; địa chỉ: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.2. Công ty TNHH MTV L1; địa chỉ: Số B N, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi T; Giám đốc Công ty; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trương Văn H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung tóm tắt theo trình bày của đương sự:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H1 *trình bày:*

Tháng 5/2024, ông Trương Văn H nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông H đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông H nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 đến ngày 03/7/2024, UBND huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024, UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông H.

Ông H là người bị thu hồi các thửa đất số 8, 89 (mảnh trích đo số 09-2022), thửa đất số 129 (mảnh trích đo số 10 – 2022); thửa đất số 12 (mảnh trích đo số 07-2022) tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông H làm đơn khởi kiện với lý do:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan chức năng xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông H. Vì diện tích đất trên của ông H đã được khai phá, được canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông H để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông H đang là hộ cận nghèo từ năm 2021 đã khó khăn

đến nay càng lâm vào tình trạng khó khăn hơn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất trên thì phải bồi thường cho gia đình ông H theo quy định pháp luật, cụ thể vì những căn cứ sau: Thửa đất nêu trên được ông H mua lại của ông Bàn Đình L, bà Bùi Thị V vào năm 2008, đã nhận đất, tài sản gắn liền với đất để sử dụng ổn định đến nay. Thửa đất này do ông Bàn Đình L khai hoang vào năm 1996 và canh tác sử dụng ổn định. Thời điểm tạo lập và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: 147 cây điều thường trồng năm 2000, 38 cây cà phê vối trồng năm 2007, ao tạo lập 2000, 77 cây điều trồng năm 1998 và trồng nhiều cây khác. Việc sử dụng ổn định lâu dài còn có minh chứng là phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện E xác định 60 cây điều loại A trồng năm 1998, 102 cây điều trồng năm 2000 loại A.....Việc ông H đã nhận đất và canh tác ổn định được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông H có nguồn gốc là khai hoang, sử dụng ổn định và chuyển nhượng đúng theo quy định pháp luật. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông H theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

+ Tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

+ Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc

quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

+ Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: *"Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tâng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khá gắn liền với đất"* nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai.

Có một số tài sản trên đất được gia đình ông H tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này, vì ông H không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông H bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạc sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chính, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông H cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, ông H nhận được Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện E về việc thu hồi đất; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông H lấn chiếm đất

vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 29.740.620 đồng là không đúng.

Ngoài ra, UBND huyện E đã kiểm đếm các thửa đất vào cuối tháng 6/2024, UBND xã C xác nhận nguồn gốc đất ngày 26/08/2024, nhưng UBND huyện E không ban hành lại phương án theo bảng giá mới được quy định pháp luật đất đai năm 2024 là không đúng quy định.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu:

Hủy bỏ Một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/2/2023 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Trương Văn H.

Hủy bỏ một phần các Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/2/2023; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Trương Văn H.

Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Trương Văn H

- *Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện* Ủy ban nhân dân huyện E *trình bày:*

1. Về nội dung yêu cầu buộc bồi thường về đất:

Căn cứ theo xác nhận số 90/GXN-UBND và số 94/GXN-UBND ngày 17/01/2023 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Trương Văn H thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lấn, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

Như vậy, đất của hộ ông Trương Văn H đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

2. Về nội dung buộc bồi thường tài sản gắn liền với đất

Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Luật đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất bao gồm: *"Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các*

điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này". Như vậy, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Trương Văn H không được bồi thường.

3. Về nội dung buộc hỗ trợ ổn định đời sống:

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Trương Văn H có nguồn gốc lấn, chiếm đất của Công ty TNHH MTV L1, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

4. Về nội dung buộc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Trương Văn H không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, việc ông Trương Văn H buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà* Lý Thị Q*:* Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* Công ty TNHH MTV L1 *đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.*

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 4 Điều 59; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Áp dụng: Các điều 62, 64, 66, 67, 69, 75, 77, 82, 84, 92 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H:

- Hủy một phần Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Trương Văn H;

- Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 đối với hộ ông Trương Văn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung theo hướng: Hỗ trợ về đất đối với thửa đất số 12, mảnh trích đo số 07-2022; hỗ trợ về đất, tài sản trên đất đối với diện tích 6.487,4m^2 của thửa đất số 129, mảnh trích đo số 10-2022; hỗ trợ cây trồng được tạo lập sau khi có Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E tính đến thời điểm hộ ông H nhận được Thông báo thu hồi đất là tháng 6/2024 của thửa đất số 129, mảnh trích đo số 10-2022 cho hộ ông Trương Văn H theo quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Trương Văn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các thửa đất số 8, 89, mảnh trích đo số 09-2022; thửa đất số 129, mảnh trích đo số 10-2022; thửa đất số 12, mảnh trích đo số 07-2022 đối với hộ ông Trương Văn H.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 01-9-2025 người khởi kiện ông Trương Văn H có Đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, phần không được chấp nhận.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện của Người khởi kiện vắng mặt, giữ nguyên nội dung Đơn kháng cáo và có gửi bản trình bày ý kiến là nguồn gốc đất ông H sử dụng là trước ngày 01/7/2004; ông H sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không có xử phạt hành chính; trên đất có một số cây Điều trồng trước năm 2004 nên huộc trường hợp được hỗ trợ 80% về đất và cây trồng trên đất.

Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện:

Người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 09)*; hủy một phần Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 08)* và một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Trương Văn H *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 461)*; Buộc UBND huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Trương Văn H.

[2] Xét yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 08; một phần Quyết định số 461; buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Trương Văn H, thấy rằng:

[2.1] Ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu xem xét lại toàn bộ các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ có liên quan đến các thửa đất số 8, 89, mảnh

trích đo số 09-2022; thửa đất số 129, mảnh trích đo số 10-2022; thửa đất số 12, mảnh trích đo số 07-2022.

Tuy nhiên, theo Quyết định thu hồi đất số 09 thì hộ ông H chỉ bị thu hồi đối với thửa đất số 8, mảnh trích đo số 09-2022; thửa đất số 129, mảnh trích đo số 10-2022; thửa đất số 12, mảnh trích đo số 07-2022. Còn đối với thửa đất số 89, mảnh trích đo số 09-2022 không bị thu hồi.

Tại công văn số 233/UBND-KT ngày 06/8/2025 của UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk xác định: Năm 2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E không lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình UBND huyện E phê duyệt đối với thửa đất số 89, mảnh trích đo số 09-2022 của hộ ông H. Vì vậy, không có cơ sở xem xét đến yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 89 do chưa bị thu hồi đất.

[2.2] Về nguồn gốc đất: ông H khởi kiện cho rằng nguồn gốc các thửa đất bị thu hồi là do gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông Bàn Đình L, bà Bùi Thị V vào năm 2008 và canh tác ổn định cho đến nay, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan tổ chức nào ngăn cản, không bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện diện tích đất bị thu hồi nằm trong tổng diện tích UBND tỉnh Đ cho Công ty L1 thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008. Quá trình giải quyết, ngoài lời khai thì người khởi kiện không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất, không được cơ quan, tổ chức, cá nhân nào xác nhận, chưa được cấp GCNQSD đất nên không có cơ sở để xem xét. Như vậy, trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ căn cứ xác định diện tích đất của hộ ông H sử dụng có nguồn gốc do lấn, chiếm.

[2.3] Về thời điểm sử dụng đất: Tại Giấy xác nhận số 30/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C thể hiện: Đối với **thửa đất số 129**, diện tích **6487,4m^2** có nguồn gốc lấn, chiếm của Công ty L1 **tháng 3/2004**, diện tích 7211m^2 có nguồn gốc lấn, chiếm của Công ty L1 năm 2009; **thửa đất số 12**, diện tích 1651,5m^2 có nguồn gốc lấn, chiếm của Công ty L1 **tháng 3/2004**; thửa đất số 8, diện tích 1616,7m^2 có nguồn gốc lấn, chiếm của Công ty L1 năm 2005; tất cả các thửa đất trên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thuộc Công ty L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686m^2 đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty L1 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Từ năm 2009 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Đây là Giấy xác nhận nguồn gốc đất sau cùng nên có giá trị, phủ nhận các giấy xác nhận trước đây, được sủ dụng làm căn cứ xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ dân bị thu hồi đất

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Tại điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm trường hợp:

"đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;"

Tại khoản các khoản 3, 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;"

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này."

Như vậy, diện tích đất của hộ ông H có nguồn gốc lấn, chiếm đất của Công ty L1 được giao để quản lý nên không được bồi thường về đất là đúng quy định.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

"2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q1*;*

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q1*;*

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT–TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q1*;*

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q1*;*

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất"

Việc UBND huyện E xác định các thửa đất số 8, 12, 129 có thời điểm sử dụng đất từ năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% theo quy định. Bản án sơ thẩm đã nhận đình và xác định một phần thửa đất số 129 có diện tích 6487,4m^2 và thửa đất số 12 được hộ ông H sử dụng trước ngày 01/7/2004 nên được hỗ trợ 80%, nội dung quyết định này không có kháng cáo kháng nghị. Đối với thửa đất còn lại không có cơ sở để xác định sử dụng trước ngày 1/4/2004 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[2.5] Về bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất:

Tại khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định:

"Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành."

Tại Quyết định số 08 UBND huyện E phê duyệt phương án hỗ trợ 60% đối với các cây trồng tạo lập trước thời điểm có thông báo thu hồi đất năm 2013, không hỗ trợ đối với các cây trồng tạo lập sau thông báo thu hồi đất (thửa đất số 129). Tại kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 30/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C xác định phần đất gia đình ông H sử dụng tại thửa đất số 129, diện tích bị thu hồi là 13.698,3m^2, trong đó có **6.487,4m^2** đất sử dụng liên tục từ **tháng 3/2004** và 7.211m^2 đất sử dụng liên tục từ năm 2009. Như vậy, cây trồng trên diện tích đất 7.211m^2 của thửa đất số 129 được hỗ trợ mức 60% là đúng quy định pháp luật; đối với các cây trồng trên diện tích đất 6.487,4m^2 của thửa đất số 129 cần buộc UBND

huyện E (Người kế thừa quyền nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) hỗ trợ bổ sung với mức 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

[2.5] Về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất: Các vật kiến trúc của hộ ông H thuộc thửa đất số 89 chưa có Quyết định thu hồi nên không xem xét giải quyết.

[2.6] Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm".

Tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

"1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1*, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm…*

Hộ ông H không phải là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán, không được bồi thường về đất, do đó, yêu cầu của ông H về khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ chấp nhận.

[2.7] Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

"1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

"2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất."

Trong trường hợp này, hộ ông H không có hợp đồng giao khoán, được xác định là sử dụng đất lấn chiếm do đó không đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

[3] Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 09:

Lý do ông H cho rằng các thửa đất bị thu hồi là do gia đình nhận chuyển nhượng của ông Bàn Đình L, bà Bùi Thị V vào năm 2008, canh tác ổn định và là nguồn thu nhập chính của gia đình, việc giao cho người khác đến canh tác là không hợp lý, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông, hơn nữa nếu thu hồi thì phải bồi thường thỏa đáng cho gia đình ông theo quy định pháp luật. Như đã nhận định về nguồn gốc đất được xác định là của UBND tỉnh Đ cho Công ty L1 thuê. Do đó, tại Quyết định số 09 thu hồi 133.479,8m^2 đất của Công ty L1 để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ chức nước Krông Pách T1 là phù hợp với quy định của pháp luật về mục đích thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, về thẩm quyền thu hồi đất và trình tự thủ tục quy định tại các điều 62, 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013. Do đó yêu cầu khởi kiện này của ông H là không có cơ sở.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định là có căn cứ; người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận; Hội đồng xét xử phúc thẩm giá nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Trương Văn H là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Văn H; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2025/HC-ST ngày 27-8-2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trương Văn H được miễn án phí phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, thì Toà án cấp phúc thẩm không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long